



TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ KỸ THUẬT TW
Địa chỉ: Đường Nguyễn Bình, Dương xá, Gia Lâm, Hà Nội
Điện thoại: 0243.8276342
Website: <http://netc-vca.edu.vn>

QUY TRÌNH MỞ MÃ NGÀNH

Mã hóa : QT03ĐT

Ban hành lần : Thứ nhất

Hiệu lực từ ngày :

| NGƯỜI SOẠN THẢO | P. ĐÀO TẠO | BGH |
|-------------------------|-------------------------|------------|
| | | |
| Lê Thị Hồng Hạnh | Lê Thị Hồng Hạnh | |

1. Mục đích và phạm vi áp dụng

a. Mục đích xây dựng quy trình:

Mục đích của việc xây dựng quy trình này là các bộ phận liên quan biết để phối hợp thực hiện các nội dung công việc, hoàn thiện việc mở được mã ngành đào tạo mới. Nhằm đa dạng hóa các ngành nghề đào tạo trong Nhà trường. Mở rộng thêm các đối tượng tuyển sinh, đào tạo nguồn nhân lực cho xã hội nói chung và nhân lực cho khu vực kinh tế, kinh tế tập thể nói riêng.

b. Phạm vi áp dụng:

Quy trình này áp dụng cho tất cả các khoa, bộ môn trong trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Trung ương.

2. Khái niệm và từ viết tắt

a. Khái niệm:

- “Quy trình – Procedure” như là “một phương pháp cụ thể để thực hiện một quá trình hay công việc. Quy trình thường được thể hiện bằng văn bản.
- Như vậy, thông thường các đơn vị phát triển các “Quy trình” nhằm thực hiện và kiểm soát các “Quá trình” của mình. Một quy trình có thể nhằm kiểm soát nhiều quá trình, và ngược lại, một quá trình có thể được kiểm soát bằng nhiều quy trình.
- Quá trình là đối tượng của quản lý, trong khi quy trình lại là công cụ quản lý.
- Mã ngành là tên gọi của 1 ngành, nghề đào tạo cấp IV trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

b. Từ viết tắt:

GCNĐKBSHĐGDNN: Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp

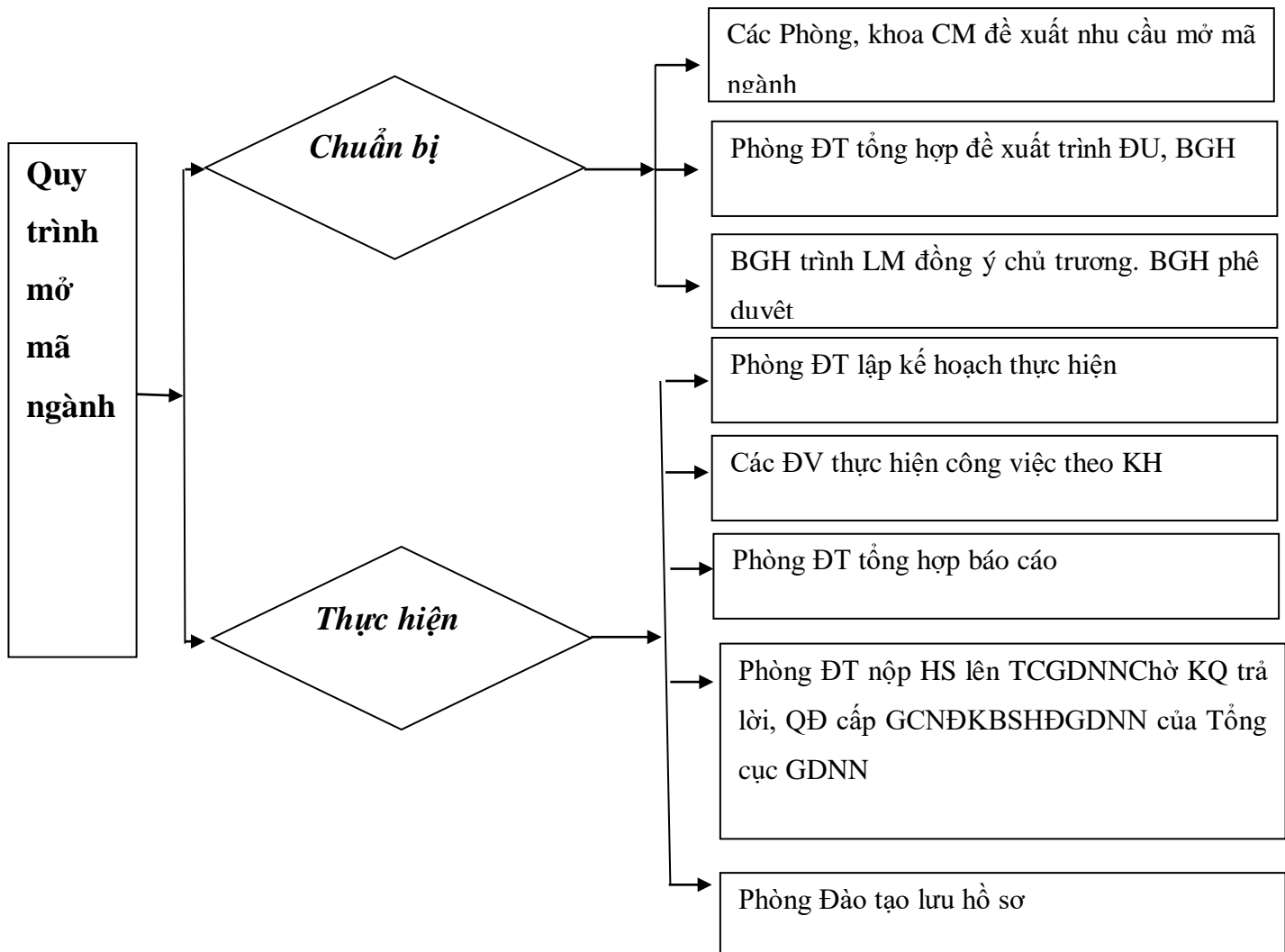
ĐT: Đào tạo

BGH: Ban Giám hiệu

ĐV: Đơn vị

CM: Chuyên môn

3. Quy trình mở mã ngành



4. Mô tả

MÔ TẢ QUY TRÌNH MỞ MÃ NGÀNH

| TT | NỘI DUNG | BỘ PHẬN THỰC HIỆN | BỘ PHẬN PHỐI HỢP | THỜI GIAN THỰC HIỆN | HỒ SƠ LƯU |
|----|--|--------------------|-----------------------------|---------------------|---|
| 1 | Đề xuất nhu cầu mở mã ngành Các khoa CM căn cứ vào thực tế về nguồn GV, cơ sở vật chất và nhu cầu của người học đề xuất Phòng ĐT, BGH mở mã ngành mới. | Các phòng, khoa CM | Phòng ĐT | | Đề xuất |
| 2 | Tổng hợp đề xuất trình ĐU, BGH Căn cứ và đề xuất của các ĐV, Phòng ĐT tập hợp, xây dựng tờ trình, trình ĐU, BGH cho chủ trương thực hiện | Phòng ĐT&HTQT | Các phòng, khoa CM | | Tờ trình |
| 3 | Trình cơ quan chủ quản Căn cứ vào tờ trình của Phòng ĐT. ĐU, BGH họp, thống nhất các mã ngành cần mở, trình TT LM cho chủ trương. | HSSV | GVQL | | Đơn xin học lại, học cải thiện, học bổ sung |
| 4 | Lập kế hoạch Phòng ĐT xây dựng kế hoạch thực hiện việc mở mã ngành như: chuẩn bị về nhân sự, chuẩn bị cơ sở vật chất, chuẩn bị chương trình đào tạo, hoàn thiện báo cáo... | Phòng ĐT | Phòng Quản trị, Các khoa CM | | Kế hoạch thực hiện các công việc mở mã ngành |
| 5 | Triển khai kế hoạch Các bộ phận được phân công thực hiện nhiệm được giao theo kế hoạch về nhân sự, cơ sở vật chất, chương trình đào tạo, báo cáo | Phòng ĐT | Phòng Quản trị, Các khoa CM | | Báo cáo tổng hợp, Hồ sơ nhà giáo, Hồ sơ CSVC, Chương trình đào tạo. |
| 6 | Tổng hợp báo cáo Hoàn thiện hồ sơ mở mã ngành theo quy định | Phòng ĐT | Phòng Quản trị, Các khoa CM | | Hồ sơ mở mã ngành đầy đủ theo quy định |
| 7 | Nộp hồ sơ lên Tổng cục GDNN Nộp hồ sơ lên Tổng cục GDNNxin cấp phép | Phòng ĐT | Phòng Quản trị, Các khoa CM | | Hồ sơ mở mã ngành đầy đủ theo quy |

| | | | | | |
|---|--|----------|--------------------|--|----------------|
| | | | | | định |
| 8 | Lưu hồ sơ Hồ sơ mở mã ngành và GCNĐKBSHĐGDNN của Tổng cục GDNN cấp được lưu trữ tại phòng ĐT, văn thư của Nhà trường | Phòng ĐT | Các phòng, khoa CM | | Hồ sơ được lưu |

5. Biểu mẫu

TÊN TRƯỞNG (cơ quan chủ quản)
TÊN BỘ PHẬN

Số:...../ĐX

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

ĐỀ XUẤT

Về(1).....

Kính gửi:(2).....

.....
.
.....
.
.....
.
.....
.
.....

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu VP.

TRƯỞNG BỘ PHẬN
(Ký tên)

-
- (1) Tóm tắt nội dung đề xuất
(2) Tên bộ phận nhận đề xuất

TÊN TRƯỞNG(cơ quan chủ quản)
TÊN BỘ PHẬN

Số:...../TTTr

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

TỜ TRÌNH

Về(1).....

Kính gửi:(2).....

.....
.
.....
.
.....
.
.....
.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu VP.

TRƯỞNG BỘ PHẬN

(Ký tên)

-
- (1) Tóm tắt nội dung tờ trình
(2) Tên bộ phận nhận tờ trình

PHỤ LỤC 01
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Kèm theo Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/03/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động -
Thương binh và Xã hội)

Tên ngành, nghề:

Mã ngành, nghề:

Trình độ đào tạo:

Hình thức đào tạo: (Chính quy/thường xuyên)

Đối tượng tuyển sinh:

Thời gian đào tạo: (năm học)

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung:

1.2. Mục tiêu cụ thể:

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:

- Số lượng môn học, mô đun:

- Khối lượng kiến thức toàn khóa học:Tín chỉ

- Khối lượng các môn học chung/đại cương:giờ

- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn:giờ

- Khối lượng lý thuyết: giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm:giờ

3. Nội dung chương trình:

| Mã MH/MĐ | Tên môn học/mô đun | Số tín chỉ | Thời gian học tập (giờ) | | | |
|-------------|---------------------------------------|---------------|-------------------------|--------------|---|------------------|
| | | | Tổng số | Trong đó | | |
| | | | | Lý thuyết | Thực hành/ thực tập/thí nghiệm/bài tập/thảo luận | Thi/ Kiểm tra |
| I | Các môn học chung | | | | | |
| MH | Chính trị | | | | | |
| MH | Pháp luật | | | | | |
| MH | Giáo dục thể chất | | | | | |
| MH | Giáo dục Quốc phòng và An ninh | | | | | |
| MH | Tin học | | | | | |
| MH | Ngoại ngữ | | | | | |
| ... | | | | | | |
| II | Các môn học, mô đun chuyên môn | | | | | |
| II.1 | Môn học, mô đun cơ sở | | | | | |
| ... | | | | | | |
| ... | | | | | | |
| II.2 | Môn học, mô đun chuyên môn | | | | | |
| ... | | | | | | |
| ... | | | | | | |
| II.3 | Môn học, mô đun tự chọn | | | | | |
| ... | | | | | | |

| | | | | | |
|------------------|--|--|--|--|--|
| ... | | | | | |
| Tổng cộng | | | | | |

4. Hướng dẫn sử dụng chương trình

4.1. Các môn học chung bắt buộc do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với các Bộ/ngành tổ chức xây dựng và ban hành để áp dụng thực hiện.

4.2. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa:

Cần căn cứ vào điều kiện cụ thể, khả năng của mỗi trường và kế hoạch đào tạo hàng năm theo từng khóa học, lớp học và hình thức tổ chức đào tạo đã xác định trong chương trình đào tạo và công bố theo từng ngành, nghề để xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa đảm bảo đúng quy định.

4.3. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra hết môn học, mô đun:

Thời gian tổ chức kiểm tra hết môn học, mô đun cần được xác định và có hướng dẫn cụ thể theo từng môn học, mô đun trong chương trình đào tạo.

4.4. Hướng dẫn thi tốt nghiệp và xét công nhận tốt nghiệp:

- Đối với đào tạo theo niên chế:

+ Người học phải học hết chương trình đào tạo theo từng ngành, nghề và có đủ điều kiện thì sẽ được dự thi tốt nghiệp.

+ Nội dung thi tốt nghiệp bao gồm: môn Chính trị; Lý thuyết tổng hợp nghề nghiệp; Thực hành nghề nghiệp.

+ Hiệu trưởng các trường căn cứ vào kết quả thi tốt nghiệp, kết quả bảo vệ chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp của người học và các quy định liên quan để xét công nhận tốt nghiệp, cấp bằng và công nhận danh hiệu kỹ sư thực hành hoặc cử nhân thực hành (đối với trình độ cao đẳng) theo quy định của trường.

- Đối với đào tạo theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tích lũy tín chỉ:

+ Người học phải học hết chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng theo từng ngành, nghề và phải tích lũy đủ số mô đun hoặc tín chỉ theo quy định trong chương trình đào tạo.

+ Hiệu trưởng nhà trường căn cứ vào kết quả tích lũy của người học để quyết định việc công nhận tốt nghiệp ngay cho người học hoặc phải làm chuyên đề, khóa luận làm điều kiện xét tốt nghiệp.

+ Hiệu trưởng các trường căn cứ vào kết quả xét công nhận tốt nghiệp để cấp bằng tốt nghiệp và công nhận danh hiệu kỹ sư thực hành hoặc cử nhân thực hành (đối với trình độ cao đẳng) theo quy định của trường.

4.5. Các chú ý khác (nếu có):

PHỤ LỤC 02
CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

(Kèm theo Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/03/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

Tên môn học:

Mã môn học:

Thời gian thực hiện môn học:.....giờ; (Lý thuyết:.....giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập:.....giờ; Kiểm tra.....giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí:

- Tính chất:

II. Mục tiêu môn học:

- Về kiến thức:

- Về kỹ năng:

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

| Số TT | Tên chương, mục | Thời gian (giờ) | | | |
|----------|---|-----------------|-----------|---|----------|
| | | Tổng số | Lý thuyết | Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập | Kiểm tra |
| | Bài mở đầu Chương: 1. Tên mục: 1.1. Tên Tiểu mục:..... Chương: 1. Tên mục: 1.1. Tên tiểu mục:.... | | | | |
| | Cộng | | | | |

2. Nội dung chi tiết:

Bài mở đầu:

Chương:

Thời gian.....giờ

1. Mục tiêu:

2. Nội dung chương:

2.1. Tên mục:

2.1.1. Tên tiểu mục:

Chương:

Thời gian.....giờ

1. Mục tiêu:

2. Nội dung chương:

2.1. Tên mục:

2.1.1. Tên tiểu mục:

Chương n:

Thời gian.....giờ

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng:

2. Trang thiết bị máy móc:

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

4. Các điều kiện khác:

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức:

- Kỹ năng:

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

2. Phương pháp:

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học:

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên:

- Đối với người học:

3. Những trọng tâm cần chú ý:

4. Tài liệu tham khảo:

5. Ghi chú và giải thích (nếu có):

PHỤ LỤC 03
CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

(Kèm theo Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/03/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

Tên mô đun:

Mã mô đun:

Thời gian thực hiện mô đun:giờ; (Lý thuyết:..... giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập:giờ; Kiểm tra:giờ)

I. Vị trí, tính chất của mô đun:

- Vị trí:

- Tính chất:

II. Mục tiêu mô đun:

- Kiến thức:

- Kỹ năng:

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

III. Nội dung mô đun:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

| Số TT | Tên các bài trong mô đun | Thời gian (giờ) | | | |
|-------|---|-----------------|-----------|---|----------|
| | | Tổng số | Lý thuyết | Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập | Kiểm tra |
| | Bài mở đầu: Bài: 1. Tên tiêu đề: 1.1. Tên tiểu tiêu đề Bài n: 1. Tên tiêu đề: 1.1. Tên tiểu tiêu đề | | | | |
| | Cộng | | | | |

2. Nội dung chi tiết

Bài 1: Thời gian.....giờ

1. Mục tiêu của bài

2. Nội dung bài:

2.1. Tên tiêu đề:

2.1.1. Tên tiểu tiêu đề:

Bài 2: Thời gian.....giờ

1. Mục tiêu của bài

2. Nội dung bài:

2.1. Tên tiêu đề:

2.1.1. Tên tiểu tiêu đề:

Bài n: Thời gian.....giờ

IV. Điều kiện thực hiện mô đun

1. Phòng học chuyên môn hóa, nhà xưởng:

2. Trang thiết bị máy móc:

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

4. Các điều kiện khác:

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung:
 - Kiến thức:
 - Kỹ năng:
 - Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

2. Phương pháp:

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun

1. Phạm vi áp dụng mô đun:
2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun:
 - Đối với giáo viên, giảng viên:
 - Đối với người học:
3. Những trọng tâm cần chú ý:
4. Tài liệu tham khảo:
5. Ghi chú và giải thích (nếu có):

PHỤ LỤC 4
SƠ ĐỒ MỐI LIÊN HỆ VÀ TIẾN TRÌNH ĐÀO TẠO CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN TRONG
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

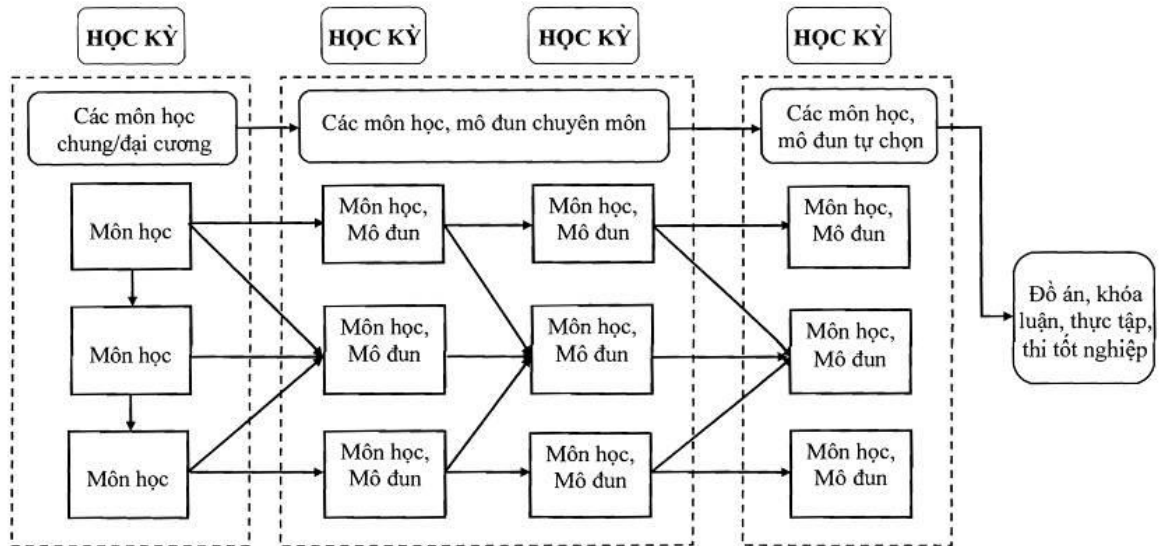
*(Kèm theo Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/03/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động -
 Thương binh và Xã hội)*

Tên ngành,
ngành:

.....

Mã ngành,
ngành:

.....



PHỤ LỤC 5

Văn bản đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp

.....(1).....

.....(2).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....-ĐKBS

....., ngày tháng năm 20.....

Kính gửi:.....(3)

1. Tên cơ sở đăng ký bổ

sung:.....(2).....

Tên giao dịch quốc tế bằng tiếng Anh (nếu

có):.....

2. Địa chỉ trụ sở

chính:.....(4).....

- Số điện thoại:.....,

Fax:.....

- Website:.....,

Email:.....

- Địa chỉ phân hiệu, địa điểm đào tạo khác (nếu

có):.....(4).....

3. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp: [số hiệu, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp].

Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp (nếu có): [số hiệu, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp].

4. Nội dung đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp

a) Tại trụ sở chính

Lý do đăng ký bổ sung:

.....(5).....

| TT | Tên ngành, nghề đào tạo | Mã ngành, nghề | Quy mô tuyển sinh/năm | Trình độ đào tạo |
|-----------|--|-----------------------|------------------------------|-------------------------|
| I | Tên nhóm ngành, nghề thứ nhất (ghi theo mã cấp III) | | | |
| 1 | Tên ngành, nghề trình độ cao đẳng (ghi theo mã cấp IV) | | | |
| | Tên ngành, nghề trình độ trung cấp (ghi theo mã cấp IV) | | | |

| | | | | |
|-----------|--|--|--|--|
| | Tên nghề trình độ sơ cấp (có cùng tên gọi với ngành, nghề trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp) | | | |
| 2 | Tên ngành, nghề trình độ cao đẳng (ghi theo mã cấp IV) | | | |
| | Tên ngành, nghề trình độ trung cấp (ghi theo mã cấp IV) | | | |
| | Tên nghề trình độ sơ cấp (có cùng tên gọi với ngành, nghề trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp) | | | |
| ... | ... | | | |
| II | Tên nhóm ngành, nghề thứ hai (ghi theo mã cấp III) | | | |
| 1 | Tên ngành, nghề trình độ cao đẳng (ghi theo mã cấp IV) | | | |
| | Tên ngành, nghề trình độ trung cấp (ghi theo mã cấp IV) | | | |
| | Tên nghề trình độ sơ cấp (có cùng tên gọi với ngành, nghề trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp) | | | |
| 2 | Tên ngành, nghề trình độ cao đẳng (ghi theo mã cấp IV) | | | |
| | Tên ngành, nghề trình độ trung cấp (ghi theo mã cấp IV) | | | |
| | Tên nghề trình độ sơ cấp (có cùng tên gọi với ngành, nghề trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp) | | | |
| ... | ... | | | |
| [...] | Tên nhóm nghề đào tạo sơ cấp thứ nhất | | | |
| | | | | |
| | | | | |

| | | | | |
|-------|-------------------------------------|--|--|--|
| [...] | Tên nhóm nghề đào tạo sơ cấp thứ... | | | |
| | | | | |
| | | | | |

b) Tại phân hiệu, địa điểm đào tạo khác (nếu có):.....(4)..... (ghi theo từng phân hiệu, địa điểm đào tạo)

Lý do đăng ký bổ

sung:.....(5).....

| TT | Tên ngành, nghề đào tạo | Mã ngành, nghề | Quy mô tuyển sinh/năm | Trình độ đào tạo |
|-----------|--|----------------|-----------------------|------------------|
| I | Tên nhóm ngành, nghề thứ nhất (ghi theo mã cấp III) | | | |
| 1 | Tên ngành, nghề trình độ cao đẳng (ghi theo mã cấp IV) | | | |
| | Tên ngành, nghề trình độ trung cấp (ghi theo mã cấp IV) | | | |
| | Tên nghề trình độ sơ cấp (có cùng tên gọi với ngành, nghề trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp) | | | |
| 2 | Tên ngành, nghề trình độ cao đẳng (ghi theo mã cấp IV) | | | |
| | Tên ngành, nghề trình độ trung cấp (ghi theo mã cấp IV) | | | |
| | Tên nghề trình độ sơ cấp (có cùng tên gọi với ngành, nghề trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp) | | | |
| ... | ... | | | |
| II | Tên nhóm ngành, nghề thứ hai (ghi theo mã cấp III) | | | |
| 1 | Tên ngành, nghề trình độ cao đẳng (ghi theo mã cấp IV) | | | |
| | Tên ngành, nghề trình độ trung cấp (ghi theo mã cấp IV) | | | |

| | | | | |
|-------|--|--|--|--|
| | Tên nghề trình độ sơ cấp (có cùng tên gọi với ngành, nghề trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp) | | | |
| 2 | Tên ngành, nghề trình độ cao đẳng (ghi theo mã cấp IV) | | | |
| | Tên ngành, nghề trình độ trung cấp (ghi theo mã cấp IV) | | | |
| | Tên nghề trình độ sơ cấp (có cùng tên gọi với ngành, nghề trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp) | | | |
| ... | ... | | | |
| [...] | Tên nhóm nghề đào tạo sơ cấp thứ nhất | | | |
| | | | | |
| [...] | Tên nhóm nghề đào tạo sơ cấp thứ... | | | |
| | | | | |
| | | | | |

5.(2).....cam kết thực hiện đúng quy định của pháp luật về giáo dục nghề nghiệp và quy định của pháp luật có liên quan.

Nơi nhận: (6)
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)
-
-

Ghi chú:

- (1) Tên cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp (nếu có).
- (2) Tên cơ sở đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp.
- (3) Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp.
- (4) Ghi địa chỉ số nhà, đường/phố, xã/phường/thị trấn, quận/huyện, tỉnh/thành phố.
- (5) Ghi lý do đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp theo các trường hợp quy định tại Điều 18 Nghị định này.
- (6) Chức danh người đứng đầu cơ sở đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

PHỤ LỤC 6

Báo cáo đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp

.....(1).....
.....(2).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/BC-.....

....., ngày tháng năm 20.....

BÁO CÁO

Đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp

Phần thứ nhất

THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ ĐĂNG KÝ BỔ SUNG HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

1. Tên cơ sở đăng ký bổ sung:(2).....
Tên giao dịch quốc tế bằng tiếng Anh (nếu có):.....
2. Địa chỉ trụ sở chính:.....(3).....
- Số điện thoại:....., Fax:.....
- Website:....., Email:.....
3. Địa chỉ phân hiệu, địa điểm đào tạo khác (nếu có):.....(3).....
4. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp: [số hiệu, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp].
5. Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp (nếu có): [số hiệu, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp].

Phần thứ hai

ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

A. TẠI TRỤ SỞ CHÍNH

I. [Tên ngành, nghề đào tạo thứ nhất] + [trình độ đào tạo]; quy mô tuyển sinh/năm:
..... học sinh, sinh viên

1. Lý do đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp
.....(4).....
.....

2. Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo

a) Cơ sở vật chất dùng cho giảng dạy: (5)

- Số phòng học lý thuyết chuyên môn:.....phòng (tổng diện tích:.....m²);

- Số phòng, xưởng thực hành, thực tập:.....phòng, xưởng (tổng diện tích:.....m²).
 - Phòng thí nghiệm, cơ sở sản xuất thử nghiệm:.....phòng, cơ sở (tổng diện tích:.....m²).
- b) Thiết bị, dụng cụ đào tạo dùng trong giảng dạy: Báo cáo thiết bị, dụng cụ đào tạo hiện có theo từng phòng, xưởng (6)
- [Tên phòng, xưởng thứ nhất].

| TT | Tên thiết bị, dụng cụ đào tạo | Đơn vị tính | Số lượng thiết bị, dụng cụ đào tạo | | Ghi chú (8) |
|----|-------------------------------|-------------|--------------------------------------|----------|-------------|
| | | | Theo danh mục thiết bị tối thiểu (7) | Cơ sở có | |
| | | | | | |
| | | | | | |

- [Tên phòng, xưởng thứ ...]: Báo cáo các thông tin như phòng, xưởng thứ nhất.

3. Đội ngũ nhà giáo (9)

a) Tổng số nhà giáo:.....người (tương đương.....nhà giáo quy đổi).

Trong đó:

- Nhà giáo cơ hữu:.....người.
- Nhà giáo thỉnh giảng:.....người (tổng số giờ giảng dạy/năm:..... giờ/năm, tương đương.....nhà giáo quy đổi).
- Cán bộ quản lý tham gia giảng dạy:.....người (tổng số giờ giảng dạy/năm:.....giờ/năm, tương đương.....nhà giáo quy đổi).

b) Tỷ lệ học sinh, sinh viên quy đổi/nhà giáo quy đổi:..... học sinh, sinh viên/nhà giáo.

c) Chất lượng nhà giáo cơ hữu

| TT | Họ và tên | Trình độ chuyên môn (10) | Trình độ nghiệp vụ sư phạm | Trình độ kỹ năng nghề | Môn học, mô đun, tín chỉ được phân công giảng dạy |
|----|-----------|--------------------------|----------------------------|-----------------------|---|
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |

d) Chất lượng nhà giáo thỉnh giảng (nếu có)

| TT | Họ và tên | Trình độ chuyên môn (10) | Trình độ nghiệp vụ sư phạm | Trình độ kỹ năng nghề | Môn học, mô đun, tín chỉ được phân công giảng dạy | Tổng số giờ giảng dạy/năm |
|----|-----------|--------------------------|----------------------------|-----------------------|---|---------------------------|
| | | | | | | |

| | | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|--|
| | | | | | | |
| | | | | | | |
| | | | | | | |

4. Chương trình đào tạo (11)

a) Tên chương trình đào tạo: Chương trình đào tạo [tên ngành, nghề] + [trình độ đào tạo] (ví dụ: Chương trình đào tạo ngành, nghề Công nghệ thông tin trình độ cao đẳng; Chương trình đào tạo ngành, nghề Điện công nghiệp trình độ trung cấp; Chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật chế biến món ăn trình độ sơ cấp).

b) Quyết định ban hành chương trình đào tạo: [số hiệu, ngày, tháng, năm ban hành, tên cơ sở ban hành, trích yếu của quyết định].

c) Đối tượng tuyển sinh:.....

d) Thời gian đào tạo:.... tháng (đối với đào tạo trình độ sơ cấp);năm học (đối với đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng).

đ) Văn bằng, chứng chỉ cấp cho người học:.....

e) Nội dung chương trình

Chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng, báo cáo theo mẫu sau:

| Mã MH, MD | Tên môn học, mô đun | Số tín chỉ | Thời gian học tập (giờ) | | | |
|-----------|--------------------------------|------------|-------------------------|-----------|---|---------------|
| | | | Tổng số | Trong đó | | |
| | | | | Lý thuyết | Thực hành, thực tập, thí nghiệm, bài tập, thảo luận | Thi, kiểm tra |
| 1 | 2 | 3 | 4=5+6+7 | 5 | 6 | 7 |
| I | Các môn học chung | | | | | |
| MH1 | Giáo dục chính trị | | | | | |
| MH2 | Pháp luật | | | | | |
| MH3 | Giáo dục thể chất | | | | | |
| MH4 | Giáo dục Quốc phòng và An ninh | | | | | |
| MH5 | Tin học | | | | | |
| MH6 | Tiếng Anh | | | | | |

| | | | | | | |
|-------------|---------------------------------------|--|--|--|--|--|
| II | Các môn học, mô đun chuyên môn | | | | | |
| II.1 | Môn học, mô đun cơ sở | | | | | |
| | | | | | | |
| | | | | | | |
| II.2 | Môn học, mô đun chuyên môn | | | | | |
| | | | | | | |
| | | | | | | |
| II.3 | Môn học, mô đun tự chọn | | | | | |
| | | | | | | |
| | | | | | | |
| | TỔNG CỘNG | | | | | |

Chương trình đào tạo trình độ sơ cấp, báo cáo theo mẫu sau:

| Mã MĐ | Tên mô đun | Số tín chỉ | Thời gian học tập (giờ) | | | |
|------------------|-------------------|-----------------------|--------------------------------|----------------------|--|------------------------------|
| | | | Tổng số | Trong đó | | |
| | | | | Lý thuyết | Thực hành, thực tập, thí nghiệm, bài tập, thảo luận | Thi, kiểm tra |
| <i>1</i> | <i>2</i> | <i>3</i> | <i>4=5+6+7</i> | <i>5</i> | <i>6</i> | <i>7</i> |
| ... | | | | | | |
| ... | | | | | | |

5. Về giáo trình, tài liệu giảng dạy

.....
.....
.....
.....

6. Đối với các ngành, nghề đào tạo thuộc khối ngành sức khỏe

Báo cáo kèm hồ sơ minh chứng đáp ứng yêu cầu trong tổ chức đào tạo thực hành theo quy định gồm: Chương trình đào tạo thực hành, kế hoạch đào tạo thực hành, hợp đồng đào tạo thực hành.

[...]. [Tên ngành, nghề đào tạo thứ...] + [trình độ đào tạo]; quy mô tuyển sinh/năm:.....học sinh, sinh viên: Báo cáo các thông tin như mục I phần này.

B. TẠI PHÂN HIỆU, ĐỊA ĐIỂM ĐÀO TẠO (nếu có): Báo cáo tại từng phân hiệu, địa điểm đào tạo như Phần A.

(12)

Nơi nhận:

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

-

-

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp (nếu có).

(2) Tên cơ sở đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

(3) Ghi địa chỉ số nhà, đường/phố, xã/phường/thị trấn, quận/huyện, tỉnh/thành phố.

(4) Ghi lý do đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp theo các trường hợp quy định tại Điều 18 Nghị định này.

(5) Hồ sơ chứng minh về cơ sở vật chất:

- Loại văn bản: Hồ sơ chứng minh về cơ sở vật chất là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc hợp đồng thuê, mua, chuyển nhượng về cơ sở vật chất.

+ Trường hợp thuê cơ sở vật chất thì hợp đồng thuê phải còn thời hạn ít nhất là 05 năm đối với trường trung cấp, trường cao đẳng; còn thời hạn ít nhất là 02 năm đối với trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, doanh nghiệp. Hồ sơ chứng minh quyền sở hữu của bên cho thuê.

+ Trường hợp liên kết đào tạo thì hợp đồng liên kết đào tạo phải còn thời hạn ít nhất là 05 năm đối với trường trung cấp, trường cao đẳng; còn thời hạn ít nhất là 02 năm đối với trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, doanh nghiệp. Hồ sơ chứng minh quyền sở hữu của bên liên kết.

- Hình thức của văn bản:

+ Bản điện tử dưới dạng dữ liệu được tạo lập hoặc được số hóa từ văn bản giấy và trình bày đúng thể thức, kỹ thuật, định dạng theo quy định. Cơ sở đăng ký phải bảo đảm bản điện tử như bản gốc và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, hợp pháp của hồ sơ bản điện tử. Đồng thời, cơ sở đăng ký bổ sung thực hiện lưu trữ theo quy định hiện hành về công tác văn thư.

+ Định dạng tệp (.pdf).

(6) Hồ sơ chứng minh về thiết bị, dụng cụ đào tạo:

- Loại văn bản: Hồ sơ chứng minh về thiết bị, dụng cụ đào tạo là một trong các tài liệu sau:

+ Biên bản kiểm kê tài sản của năm trước liền kê tính đến thời điểm gửi hồ sơ đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp của cơ sở công lập.

+ Hợp đồng mua bán, biên bản thanh lý, biên bản nghiệm thu, hóa đơn tài chính.

+ Trường hợp thuê thiết bị, dụng cụ đào tạo: Hợp đồng thuê thiết bị, dụng cụ đào tạo; biên bản bàn giao thiết bị, dụng cụ đào tạo. Hợp đồng thuê thiết bị, dụng cụ đào tạo phải còn thời hạn ít nhất là 05 năm đối với trường trung cấp, trường cao đẳng; còn thời hạn ít nhất là 02 năm đối với trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, doanh nghiệp. Hồ sơ chứng minh quyền sở hữu của bên cho thuê.

- Hình thức của văn bản: Như mục (5) nêu trên.

(7) Số lượng thiết bị, dụng cụ đào tạo tối thiểu theo quy định do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành. Trường hợp Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chưa ban hành danh mục tối thiểu thì không phải báo cáo thông tin cột này.

(8) Trường hợp thiết bị, dụng cụ đào tạo dùng chung trong giảng dạy của nhiều ngành, nghề thì ghi cụ thể tên ngành, nghề dùng chung.

(9) Hồ sơ chứng minh của nhà giáo:

- Loại văn bản: Hồ sơ chứng minh của nhà giáo gồm:

+ Quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng làm việc hoặc hợp đồng lao động đối với nhà giáo cơ hữu; hợp đồng thỉnh giảng đối với nhà giáo thỉnh giảng.

+ Văn bằng đào tạo chuyên môn.

+ Văn bằng, chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm phù hợp với trình độ đào tạo được phân công giảng dạy.

+ Văn bằng, chứng chỉ chứng minh về trình độ kỹ năng nghề.

+ Văn bản xác nhận năng lực ngoại ngữ, tin học của nhà giáo tham gia giảng dạy.

- Hình thức của văn bản: Như mục (5) nêu trên.

(10) Ghi cụ thể trình độ chuyên môn của từng nhà giáo phù hợp với mô đun, môn học được phân công giảng dạy (ví dụ: TS. Chế tạo máy; Ths. Kế toán; ĐH. Công nghệ thông tin; CĐ. Kỹ thuật chế biến món ăn;...).

(11) Hồ sơ chứng minh về chương trình

đào tạo

- Loại văn bản: Hồ sơ chứng minh về chương trình đào tạo gồm:

+ Quyết định ban hành chương trình đào tạo của người đứng đầu cơ sở đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

+ Chương trình đào tạo chi tiết.

- Hình thức của văn bản:

+ Quyết định ban hành chương trình đào tạo: Văn bản giấy (bản được người đứng đầu cơ sở đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp ký và đóng dấu).

+ Chương trình đào tạo chi tiết, chương trình đào tạo thực hành: Bản điện tử định dạng tệp (.doc) hoặc (.docx) hoặc (.pdf).

(12) Chức danh người đứng đầu cơ sở đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

PHỤ LỤC 7

Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp

.....(1).....

.....(2).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ..(3)..../..(4)..../GCNĐKBS-
..(5)..

....., ngày tháng năm 20.....

GIẤY CHỨNG NHẬN

Đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp

.....(6).....**CHỨNG NHẬN:**

1. Tên cơ sở (ghi bằng chữ in hoa):

.....

Tên giao dịch quốc tế bằng tiếng Anh (nếu có):.....

Thuộc:.....

.....

Địa chỉ trụ sở

chính:.....

Điện

thoại:.....Fax:.....

Website:.....Email:.....

.....

Địa chỉ phân hiệu, địa điểm đào tạo khác (nếu có):.....

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp: [số hiệu, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp].

Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp (nếu có): [số hiệu, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp].

2. Đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp

a) Tại trụ sở chính

| TT | Tên ngành, nghề đào tạo | Mã ngành, nghề | Quy mô tuyển sinh/năm | Trình độ đào tạo |
|-----------|--|-----------------------|------------------------------|-------------------------|
| I | Tên nhóm ngành, nghề thứ nhất (ghi theo mã cấp III) | | | |

| | | | | |
|-----------|--|--|--|--|
| 1 | Tên ngành, nghề trình độ cao đẳng (ghi theo mã cấp IV) | | | |
| | Tên ngành, nghề trình độ trung cấp (ghi theo mã cấp IV) | | | |
| | Tên nghề trình độ sơ cấp (có cùng tên gọi với ngành, nghề trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp) | | | |
| 2 | Tên ngành, nghề trình độ cao đẳng (ghi theo mã cấp IV) | | | |
| | Tên ngành, nghề trình độ trung cấp (ghi theo mã cấp IV) | | | |
| | Tên nghề trình độ sơ cấp (có cùng tên gọi với ngành, nghề trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp) | | | |
| ... | ... | | | |
| | | | | |
| II | Tên nhóm ngành, nghề thứ hai (ghi theo mã cấp III) | | | |
| 1 | Tên ngành, nghề trình độ cao đẳng (ghi theo mã cấp IV) | | | |
| | Tên ngành, nghề trình độ trung cấp (ghi theo mã cấp IV) | | | |
| | Tên nghề trình độ sơ cấp (có cùng tên gọi với ngành, nghề trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp) | | | |
| 2 | Tên ngành, nghề trình độ cao đẳng (ghi theo mã cấp IV) | | | |
| | Tên ngành, nghề trình độ trung cấp (ghi theo mã cấp IV) | | | |
| | Tên nghề trình độ sơ cấp (có cùng tên gọi với ngành, nghề trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp) | | | |
| ... | ... | | | |

| | | | | |
|-------|---------------------------------------|--|--|--|
| [...] | Tên nhóm nghề đào tạo sơ cấp thứ nhất | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| [...] | Tên nhóm nghề đào tạo sơ cấp thứ... | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |

b) Tại phân hiệu, địa điểm đào tạo khác (nếu có):.....(7)..... (ghi theo từng phân hiệu, địa điểm đào tạo)

| TT | Tên ngành, nghề đào tạo | Mã ngành, nghề | Quy mô tuyển sinh/năm | Trình độ đào tạo |
|----|--|----------------|-----------------------|------------------|
| I | Tên nhóm ngành, nghề thứ nhất (ghi theo mã cấp III) | | | |
| 1 | Tên ngành, nghề trình độ cao đẳng (ghi theo mã cấp IV) | | | |
| | Tên ngành, nghề trình độ trung cấp (ghi theo mã cấp IV) | | | |
| | Tên nghề trình độ sơ cấp (có cùng tên gọi với ngành, nghề trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp) | | | |
| 2 | Tên ngành, nghề trình độ cao đẳng (ghi theo mã cấp IV) | | | |
| | Tên ngành, nghề trình độ trung cấp (ghi theo mã cấp IV) | | | |
| | Tên nghề trình độ sơ cấp (có cùng tên gọi với ngành, nghề trình độ cao đẳng, | | | |

| | | | | |
|-----------|--|--|--|--|
| | trình độ trung cấp) | | | |
| ... | ... | | | |
| II | Tên nhóm ngành, nghề thứ hai (ghi theo mã cấp III) | | | |
| | Tên ngành, nghề trình độ cao đẳng (ghi theo mã cấp IV) | | | |
| 1 | Tên ngành, nghề trình độ trung cấp (ghi theo mã cấp IV) | | | |
| | Tên nghề trình độ sơ cấp (có cùng tên gọi với ngành, nghề trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp) | | | |
| | Tên ngành, nghề trình độ cao đẳng (ghi theo mã cấp IV) | | | |
| 2 | Tên ngành, nghề trình độ trung cấp (ghi theo mã cấp IV) | | | |
| | Tên nghề trình độ sơ cấp (có cùng tên gọi với ngành, nghề trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp) | | | |
| ... | ... | | | |
| [...] | Tên nhóm nghề đào tạo sơ cấp thứ nhất | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| [...] | Tên nhóm nghề đào tạo sơ cấp thứ... | | | |
| | | | | |
| | | | | |

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực kể từ ngày ký.

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- (1) Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đối với giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp do Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp cấp hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội cấp.
- (2) Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp hoặc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.
- (3) Theo số giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đã cấp cộng với chữ cái theo thứ tự bằng chữ cái tiếng Việt.
- (4) Năm cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp.
- (5) Tên viết tắt của cơ quan cấp giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp.
- (6) Tên cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp viết bằng chữ in hoa, kiểu chữ đậm.
- (7) Ghi địa chỉ số nhà, đường/phố, xã/phường/thị trấn, quận/huyện, tỉnh/thành phố.